

Số: 74/BC-TYT

Cam Thịnh Tây, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**BÁO CÁO****Tổng hợp công tác dân số & phát triển năm 2022**

Kính gửi: Khoa Dân số-Trung tâm Y tế TP Cam Ranh

**I. HỘ VÀ NHÂN KHẨU**

- |  |  |
|--|--|
| 1. Tổng số hộ:                               | 1.361 hộ                                 |
| - Tổng số nhân khẩu đầu năm:                 | 6.128 người.                             |
| - Tổng số nhân khẩu cuối năm:                | 6.245 người.                             |
| Trong đó: + Hộ dân tộc thiểu số:             | 1.326 hộ                                 |
| + Nhân khẩu dân tộc thiểu số:                | 6.096 người.                             |
| 2. Dân số trung bình:                        | 6.186 người; Số khẩu là nữ: 3.103 người. |
| 3. Phụ nữ tính đến cuối năm:                 | 3.103 người                              |
| - Trong đó:                                  |  |
| + Phụ nữ: 15-49 tuổi :                       | 1.772 người;                             |
| + Phụ nữ 15- 49 tuổi có chồng:               | 1.251 người.                             |
| + Phụ nữ từ 35 đến 49 tuổi có đủ 02 con:     | 449 người                                |
| + Số phụ nữ từ 30 đến 49 tuổi chưa có chồng: | 84 người                                 |
| 4. Người từ 60 tuổi trở lên:                 | 405 người                                |
| + Trong đó người từ 80 tuổi trở lên:         | 67 người                                 |

**II. BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ**

- |   |           |
|---|-----------|
| 1. Ước số trẻ sinh ra trong năm 2022:     | 126 người |
| - Trong đó:                               |           |
| + Số trẻ sinh ra 9 tháng:                 | 89 người  |
| + Trẻ em Nam sinh ra:                     | 37 người  |
| + Trẻ em Nữ sinh ra:                      | 52 người  |
| + Số trẻ em sinh ra là con thứ 01:        | 40 em     |
| + Số trẻ em sinh ra là con thứ 02:        | 39 em     |
| + Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên: | 10 em     |
| + Tỷ lệ trẻ em trai/ trẻ em gái:          | 71,15%.   |
| + Ước số trẻ sinh 03 tháng còn lại:       | 37 trẻ.   |
| + Ước thực hiện tỷ suất sinh năm 2022:    | 20,37‰.   |

- Tỷ suất sinh 2022 so với năm 2021: Tăng.....‰; giảm: 0,08‰
- Số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên trong 9 tháng: 10 trẻ;
- Ước số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên trong 03 tháng còn lại: 3 trẻ.
- Ước tổng số trẻ sinh là con thứ 03 trở lên trong năm 2022: 13 trẻ
- Ước tỷ lệ con thứ 3 trở lên năm 2022 : 10,32%,
- Tỷ lệ con thứ 03 trở lên năm 2022 so với 2021: Tăng...‰; Giảm: 0,16%
- Số trẻ em sinh ra là con của phụ nữ dưới 20 tuổi: 18 người
- 6. Số người chết trong năm: 24 người
- 7. Số người kết hôn trong năm: 51 người
- Trong đó: + Số người tảo hôn : .....người
- + Số người kết hôn cận huyết thống .....người
- 8. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trong năm: 50 cặp
- 9. Số người ly hôn trong năm: .....cặp
- 10. Số người chuyển đến từ xã khác trong năm: 17 người
- 11. Số người chuyển đi khỏi xã trong năm: 2 người
- Tỷ lệ tăng dân số: 1,89‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,65‰;

### III. THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU

#### 1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch giao

TT	NỘI DUNG	Số kế hoạch giao 2022	Số thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện 03 tháng còn lại	Ước thực hiện cả năm 2022	Tỷ lệ % so với KH giao 2022	Tỷ lệ năm 2021
	<b>KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH</b>						
1	Đình sản Nam trong năm						
	+ Đình sản Nam còn tác dụng						
2	Đình sản Nữ trong năm		3		3	-	-
	+ Đình sản Nữ còn tác dụng		73				
3	Vòng tránh thai trong năm	24	22	2	24	100%	100%
	+ Vòng tránh thai còn tác dụng		151				
4	Thuốc Uống tránh thai	337	460		460	136,5%	173,3%
5	Thuốc tiêm tránh thai	67	134		134	200%	207,4%
6	Que cấy tránh thai mới trong năm	4	2		2	50%	0%

	+ Que cấy tránh thai còn tác dụng						
7	Bao cao su tránh thai	45	46		46	102,2%	102,2%
8	Biện pháp khác	0					
*	- Số CVC áp dụng BPTTHĐ mới	477	667	2	669	140,2%	
*	- Tổng số Cặp VC áp dụng BPTTHĐ trong năm	836	870	2	872	104,3%	106,3%
9	<b>Sàng lọc trước sinh</b>	60	79	24	103	171,6%	233%
	Trong đó: nguy cơ cao						
10	<b>Sàng lọc sơ sinh</b>	20	0	7	7	35%	0%
	Trong đó: nguy cơ cao						

- Số phụ nữ đang mang thai: 45 người
- Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chưa sử dụng BPTTH: 379 người
- + Số cặp vợ chồng có 02 con một bề : 74 cặp
- + Số cặp có 3 con trở lên: 31 cặp
- + Số cặp vợ chồng đã kết hôn trên 12 tháng và chưa có con: 3 cặp;

## 2. Nâng cao chất lượng dân số

- Số người được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 50 người
- So với năm 2021: + Tăng:3người, tỷ lệ: 106,4%

+ Giảm: .....người, tỷ lệ .....%

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Tổng số NCT: 405 người
  - Người cao tuổi được cấp thẻ BHYT: 405 người; Đạt tỷ lệ: 100%.
  - Người cao tuổi được lập HS theo dõi sức khỏe: 350 người;tỷ lệ:86,4%.
  - Số người cao tuổi được KSK định kỳ ít nhất 1 lần trong năm: 106 người.
- So với năm 2021: + Tăng:6 người, tỷ lệ: 106%;

+ Giảm .....người, tỷ lệ .....%

## 3. Công tác tham mưu các văn bản chỉ đạo:

.....

.....

.....

.....

.....

## 4. Sổ sách theo dõi hoạt động công tác Dân số

.....

.....

.....  
 .....  
**IV. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC DÂN SỐ**

TT	NỘI DUNG	Số kế hoạch giao 2022	Số thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện 03 tháng còn lại	Ước thực hiện cả năm 2022	Tỷ lệ % so với KH giao 2022	Tỷ lệ năm 2021
1	CTV tư vấn hộ gia đình: Lần/hộ		220	60	280		
2	Tổ chức nói chuyện nhóm...lần/ người dự		8	4	12		
3	Phát thanh trên đài						
	Số lần phát thanh .....lần/...bài		36/18	12/6	48/24		
4	Số bài viết được đăng báo, trang Websi của Sở, TTYT		1	0	1		
5	Số pano, khẩu hiệu, băng rôn		3	2	5		
6	Số lần giao ban CTV cơ sở		9	3	12		
7	Số lần tuyên truyền, tư vấn cho CB cấp ủy Đảng CQ cấp xã, thôn		/	/	/		
8	Số lần phối hợp ban, ngành, đoàn thể để tuyên truyền		8	4	12		
9	Số lần nói chuyện chuyên đề cho CLB Tiền HN, hội, nhóm		1	0	1		

**V. LAO ĐỘNG- TÀI CHÍNH**

**1. Cộng tác viên**

- Tổng số cộng tác viên dân số: 10 người
- Cộng tác viên nữ: 9 người
- Cộng tác viên mới tham gia: 0 người
- CTV là nhân viên Y tế thôn bản: 7 người

**2. Kinh phí**

- Ngân sách thuộc chương trình mục tiêu DS-YT: 500.000 đồng
- Ngân sách thành phố hỗ trợ .....đồng
- Ngân sách xã, phường hỗ trợ: 1.000.000 đồng

- Nguồn hỗ trợ khác: .....đồng

### 3. Phương tiện tránh thai

a) Phương tiện tránh thai miễn phí:

- Nhận: Ideal: 1.000 vỉ - Cấp: 1.000 vỉ -Tồn: 0  
 - Nhận: Naphalevo: 25 vỉ - Cấp: 25 vỉ -Tồn: 0

b) Phương tiện tránh thai TTXH

-Nhận:.....- Cấp: .....Tồn: .....

### 5. Hoạt động Câu lạc bộ Tiền hôn nhân (Cam Nghĩa, Cam Lộc)

- Thành viên CLB: .....người

- Các hoạt động CLB:.....

- Kinh phí hoạt động CLB:

### VI. TÍNH TỔNG TỶ SUẤT SINH

TT	Phân nhóm tuổi PN từ 15-49	Số phụ nữ trong từng nhóm tuổi	Số Phụ nữ sinh trong năm	Tổng tỷ suất sinh năm 2022	Dự kiến tổng tỷ suất sinh 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
01	Từ 15 đến 19	268	21	0,0783	
02	Từ 20 đến 24	252	47	0,1865	
03	Từ 25 đến 29	327	33	0,1009	
04	Từ 30 đến 34	313	17	0,0543	
05	Từ 35 đến 39	267	4	0,0149	
06	Từ 40 đến 44	183	4	0,0218	
07	Từ 45 đến 49	162	0	0	
<b>Tổng cộng</b>		1.772	126	2,28‰	2,23‰

### VII. ĐÁNH GIÁ, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Do đời sống kinh tế xã Cam Thịnh Tây còn nhiều khó khăn trong khi sàng lọc trước sinh và que cấy tránh thai có chi phí cao, xã Cam Thịnh Tây khó thực hiện được 2 chỉ tiêu này ( chỉ thực hiện được khi miễn phí ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TYT.



Hoàng Thị Bích Vân